



VILAS 086

Số: 1626/MT/0545/1125

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 1 (Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất thuốc sâu, bệnh dạng lỏng)  
Tọa độ: 0573992/1118183
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 10/01/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ**  
**Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ**
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ

### 9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử      | Kết quả          |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| 1   | Hàm lượng bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 5      | 5,46             |
| 2   | Hàm lượng Methanol                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 308    | KPH (MDL = 10,0) |
| 3   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Benzen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,1)  |
| 4   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Toluen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 5   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Xylen (o, m, p)             | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 6   | Hàm lượng SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 2,62           |
| 7   | Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,88           |
| 8   | Hàm lượng CO                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,14           |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (<sup>A</sup>) chỉ tiêu do nhà thầu phụ thử nghiệm (Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251)); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.





Số: 1627/MT/0545/1125

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 10/01/2026  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 2 (Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất thuốc cỏ dạng lỏng)  
Tọa độ: 0573985/1118197
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 06/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRỪNG CẦN THƠ  
Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử      | Kết quả          |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| 1   | Hàm lượng bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 5      | 3,85             |
| 2   | Hàm lượng Methanol                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 308    | KPH (MDL = 10,0) |
| 3   | ( <sup>Δ</sup> ) Hàm lượng Benzen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 4   | ( <sup>Δ</sup> ) Hàm lượng Toluen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 5   | ( <sup>Δ</sup> ) Hàm lượng Xylen (o, m, p)             | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 6   | Hàm lượng SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 2,62           |
| 7   | Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,88           |
| 8   | Hàm lượng CO                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,14           |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (<sup>Δ</sup>) chỉ tiêu do nhà thầu phụ thử nghiệm (Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251)); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.





TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
CAN THO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
Add: No 45, 3/2 Street, Ninh Kieu Ward, Cantho City  
Email: catech@cantho.gov.vn

Tel: 0292.3830353  
Website: catech.vn



VILAS 086

Số: 1628/MT/0545/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 3 (Hệ thống xử lý bụi và khí dây chuyền sản xuất thuốc dạng bột)  
Tọa độ: 0573991/1118184
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 10/01/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử      | Kết quả          |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| 1   | Hàm lượng bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 5      | 3,64             |
| 2   | Hàm lượng Methanol                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 308    | KPH (MDL = 10,0) |
| 3   | ( <sup>^</sup> ) Hàm lượng Benzen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,1)  |
| 4   | ( <sup>^</sup> ) Hàm lượng Toluen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 5   | ( <sup>^</sup> ) Hàm lượng Xylen (o, m, p)             | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 6   | Hàm lượng SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 2,62           |
| 7   | Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,88           |
| 8   | Hàm lượng CO                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,14           |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (<sup>^</sup>) chỉ tiêu do nhà thầu phụ thử nghiệm (Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251)); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.





VILAS 086

Số: 1629/MT/0545/1125

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 4 (Hệ thống xử lý bụi và khí đây chuyên sản xuất thuốc dạng bột)  
Tọa độ: 0573979/1118203
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 10/01/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRỪNG CẦN THƠ**  
**Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ**
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

### 9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử      | Kết quả          |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| 1   | Hàm lượng bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 5      | 4,04             |
| 2   | Hàm lượng Methanol                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 308    | KPH (MDL = 10,0) |
| 3   | ( <sup>^</sup> ) Hàm lượng Benzen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,1)  |
| 4   | ( <sup>^</sup> ) Hàm lượng Toluen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 5   | ( <sup>^</sup> ) Hàm lượng Xylen (o, m, p)             | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 6   | Hàm lượng SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 2,62           |
| 7   | Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,88           |
| 8   | Hàm lượng CO                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,14           |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (<sup>^</sup>) chỉ tiêu do nhà thầu phụ thử nghiệm (Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251)); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.





VILAS 086

Số: 1630/MT/0545/1125

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 5 (Hệ thống xử lý bụi, khí thải do đốt than đá sấy cát vo viên)  
Tọa độ: 0573952/1118343
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 10/01/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

### 9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử      | Kết quả          |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| 1   | Hàm lượng bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 5      | 4,77             |
| 2   | Hàm lượng Methanol                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 308    | KPH (MDL = 10,0) |
| 3   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Benzen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,1)  |
| 4   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Toluene                     | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 5   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Xylen (o, m, p)             | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 6   | Hàm lượng SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 2,62           |
| 7   | Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,88           |
| 8   | Hàm lượng CO                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,14           |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (<sup>A</sup>) chỉ tiêu do nhà thầu phụ thử nghiệm (Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251)); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÒNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.





TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
Add: No 45, 3/2 Street, Ninh Kieu Ward, Cantho City  
Email: catech@cantho.gov.vn

Tel: 0292.3830353  
Website: catech.vn



VILAS 086

Số: 1631/MT/0545/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 6 (Hệ thống xử lý khí thải khu phối liệu thuốc bột)  
Tọa độ: 0573863/1118286
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 10/01/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử      | Kết quả          |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| 1   | Hàm lượng bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 5      | 4,28             |
| 2   | Hàm lượng Methanol                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 308    | KPH (MDL = 10,0) |
| 3   | ( <sup>^</sup> ) Hàm lượng Benzen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,1)  |
| 4   | ( <sup>^</sup> ) Hàm lượng Toluen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 5   | ( <sup>^</sup> ) Hàm lượng Xylen (o, m, p)             | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 6   | Hàm lượng SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 2,62           |
| 7   | Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,88           |
| 8   | Hàm lượng CO                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,14           |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (<sup>^</sup>) chỉ tiêu do nhà thầu phụ thử nghiệm (Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251)); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.





Số: 1632/MT/0545/1125

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 7 (Hệ thống xử lý khí thải tại xưởng sản xuất thuốc hạt dạng ép viên)  
Tọa độ: 0573891/1118247
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 10/01/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRỪNG CẦN THƠ**  
**Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ**
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử      | Kết quả          |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| 1   | Hàm lượng bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 5      | 5,08             |
| 2   | Hàm lượng Methanol                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 308    | KPH (MDL = 10,0) |
| 3   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Benzen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,1)  |
| 4   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Toluen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 5   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Xylen (o, m, p)             | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 6   | Hàm lượng SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 2,62           |
| 7   | Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,88           |
| 8   | Hàm lượng CO                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,14           |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (<sup>A</sup>) chỉ tiêu do nhà thầu phụ thử nghiệm (Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251)); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.





VILAS 086

Số: 1633/MT/0545/1125

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 8 (Hệ thống xử lý khí thải tại xưởng sản xuất thuốc dạng bã mỗi (hệ thống 1))  
Tọa độ: 0573973/1118299
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 10/01/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ**  
**Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ**
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

### 9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử      | Kết quả          |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| 1   | Hàm lượng bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 5      | 4,30             |
| 2   | Hàm lượng Methanol                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 308    | KPH (MDL = 10,0) |
| 3   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Benzen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,1)  |
| 4   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Toluene                     | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 5   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Xylen (o, m, p)             | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 6   | Hàm lượng SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 2,62           |
| 7   | Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,88           |
| 8   | Hàm lượng CO                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,14           |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (<sup>A</sup>) chỉ tiêu do nhà thầu phụ thử nghiệm (Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251)); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.





Số: 1634/MT/0545/1125

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải 9 (Hệ thống xử lý khí thải tại xưởng sản xuất thuốc dạng bã mồi (hệ thống 2))  
Tọa độ: 0573948/1118263
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 10/01/2026
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ**  
**Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ**
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử      | Kết quả          |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|------------------|
| 1   | Hàm lượng bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 5      | 3,84             |
| 2   | Hàm lượng Methanol                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 308    | KPH (MDL = 10,0) |
| 3   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Benzen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,1)  |
| 4   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Toluen                      | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 5   | ( <sup>A</sup> ) Hàm lượng Xylen (o, m, p)             | mg/Nm <sup>3</sup> | PD CEN/TS 13649:2014 | KPH (MDL = 0,3)  |
| 6   | Hàm lượng SO <sub>2</sub>                              | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 2,62           |
| 7   | Hàm lượng NO <sub>x</sub> (Tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,88           |
| 8   | Hàm lượng CO                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | HD 5.7 - QT - 27     | < 1,14           |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (<sup>A</sup>) chỉ tiêu do nhà thầu phụ thử nghiệm (Công ty CP Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251)); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.





## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số: 1635/MT/0545/1125

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (Sau hệ thống xử lý)  
Tọa độ: 0573885/1118303
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (Khoảng 4,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 24/11/2025 đến 06/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ  
Số 51 đường Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0545MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: Lúc 07h00 ngày 24/11/2025 tại Công ty Cổ phần Thuốc sắt trùng Cần Thơ - Số 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

| STT | Chỉ tiêu                                                      | Đơn vị | Phương pháp thử    | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------|--------------------|-------------------|
| 1   | Độ màu                                                        | Pt-Co  | SMEWW 2120C:2023   | KPH (MDL = 4,0)   |
| 2   | pH                                                            | -      | TCVN 6492:2011     | 6,75 (tại 31,6°C) |
| 3   | Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)                           | mg/L   | SMEWW 5210B:2023   | 10                |
| 4   | Hàm lượng COD                                                 | mg/L   | SMEWW 5220C:2023   | 22                |
| 5   | Hàm lượng chất rắn lơ lửng                                    | mg/L   | SMEWW 2540D:2023   | 14,00             |
| 6   | Tổng Phenol                                                   | mg/L   | SMEWW 5530B&C:2023 | 0,009             |
| 7   | Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng                                  | mg/L   | SMEWW 5520B&F:2023 | KPH (MDL = 0,90)  |
| 8   | Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) | mg/L   | TCVN 5988:1995     | KPH (MDL = 0,70)  |

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (\*) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM  
KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

Số: 163.5/MT/0545/1125



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày: 12/01/2026  
Trang: 2/2

| STT | Chỉ tiêu                             | Đơn vị    | Phương pháp thử                                                       | Kết quả              |
|-----|--------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 9   | Hàm lượng tổng Nitơ                  | mg/L      | TCVN 6638:2000                                                        | 9,53                 |
| 10  | Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P) | mg/L      | SMEWW 4500-P.B&E:2023                                                 | KPH (MDL = 0,02)     |
| 11  | Clo dư                               | mg/L      | TCVN 6225-3:2011                                                      | KPH (MDL = 0,30)     |
| 12  | Hóa chất BVTV Photpho hữu cơ         | µg/L      | US.EPA Method 8270D +<br>US.EPA Method 3510C +<br>US.EPA Method 3620C | KPH (MDL = 0,03)     |
| 13  | Coliforms                            | MPN/100mL | SMEWW 9221B:2023                                                      | < 1,8 <sup>(a)</sup> |

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.*

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*